**BÀI 5:**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG**

**Mục tiêu**:

***1. Về năng lực***

***\* Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong thực hành tiếng Việt

***\* Năng lực đặc thù***

- Nhận biết được từ ngữ địa phương của từng vùng miền

- Xác định được từ ngữ địa phương trong câu văn, đoạn văn.

- Nhận biết tác dụng của việc sử dụng từ ngữ địa trong VB văn học

***2. Về phẩm chất:***trần trọng đối với đặc điểm riêng của các phương ngữ.

**HĐ 1: Xác định vấn đề**

**a. Mục tiêu**: HS Xác định được từ ngữ địa phương dựa trên những ngữ liệu của phần khởi động.

**b. Nội dung**:

**GV** tổ chức cho học sinh chơi trò chơi Ai thông minh hơn.

**HS** chú ý vào từ in đậm và trả lời các câu hỏi.

**GV** kết nối với nội dung của phần thực hành Tiếng Việt

Gv chiếu bài thơ “ Tiếng nghệ”, in đậm những từ ngữ địa phương trong bài thơ và hỏi hs:

: *Em đã bao giờ nghe những từ này chưa? Em có biết nghĩa của những từ này không?*

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Cả lớp là những người chơi

- Tổ chức trò chơi.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS quan sát những từ ngữ in đậm trong bài thơ “ Tiếng nghệ” và suy nghĩ cá nhân để dự đoán câu trả lời.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** chỉ định HS trả lời câu hỏi.

**HS** trả lời câu hỏi của trò chơi.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Chốt đáp án và công bố người giành chiến thắng.

- Kết nối vào nội dung Tiếng Việt.

**HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

**a. Mục tiêu**: HS nắm được đặc điểm của từ ngữ địa phương và cách sử dụng từ ngữ địa phương trong tác phẩm văn học

**b. Nội dung**:

**GV** tổ chức cho học sinh chơi trò chơi “ Ong tìm mật” để rút ra đặc điểm và cách sử dụng từ ngữ địa phương.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh và nội dung rút ra của Gv

**d. Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Chia lớp làm 4 đội chơi, mỗiđội chơi sẽ trả lời một câu hỏi trong hành trình tìm mật

- Tổ chức trò chơi.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS quan sát hình ảnh và lựa chọn bông hoa để trả lời câu hỏi

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** chỉ định đội trả lời câu hỏi.

Các đội trả lời câu hỏi của trò chơi.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Chốt đáp án và công bố đội giành chiến thắng.

- Chốt nội dung Tiếng Việt.

**1. Lý thuyết (Tri thức tiếng Việt)**

- Mỗi vùng miền có một số từ ngữ riêng biệt, thường gọi là từ ngữ địa phương. Những từ ngữ đó phát sinh từ những nét riêng về điều kiện tự nhiên, đặc điểm tâm lí và phong tục tập quán của cư dân địa phương. Từ ngữ địa phương thể hiện sự đa dạng trong ngôn ngữ của một cộng đồng.

- Khác với từ ngữ toàn dân, từ ngữ địa phương thường chỉ được dùng ở một vùng, miền nhất định.

- Trong tác phẩm văn học, từ ngữ địa phương có thể được dùng nhằm tạo sắc thái địa phương cho sự việc, nhân vật hoặc được dùng như một phương tiện tu từ. Trong văn bản khoa học, hành chính… không được dùng từ ngữ địa phương. Trong giao tiếp thông thường chỉ nên dùng từ ngữ địa phương khi trò chuyện thân mật với người nói cùng phương ngữ với mình.

**2. Thực hành tiếng Việt**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Yêu cầu HS đọc đề bài và xác định yêu cầu của từng bài tập.

- Từ nội dung bài tập, hãy nhắc lại tri thức tiếng Việt.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS**: xác định yêu cầu của từng bài tập và làm việc cá nhân ở bài 1,2,3; làm việc nhóm ở bài tập 4.

**GV** theo dõi, hướng dẫn và hỗ trợ HS làm bài tập.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm cá nhân & hướng dẫn các em cách trình bày (nếu cần).

**HS** chữa bài tập, Hs khác nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc cá nhân, làm việc nhóm của HS.

- Chốt đáp án của bài tập 1,2,3,4 lên bảng/ màn hình.

**Bài tập 1**:Tìm từ ngữ địa phương trong câu văn và giải thích

* Từ ngữ địa phương: *thẫu, vịm, trẹc,* o
* Vì nó chỉ được sử dụng ở một vùng miền nhất định( miền Trung- Huế)
* Các từ ngữ toàn dân tương ứng: thố, liễn, mẹt, cô

**Bài tập 2*:*** Liệt kê một số từ ngữ địa phương được sử dụng trong văn bản *Chuyện cơm hến.* Những từ ngữ đó có nghĩa tương đương với từ ngữ ở địa phương em và từ ngữ toàn dân

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Từ ngữ địa phương** | **Từ ngữ toàn dân tương đương** | **Ghi chú** |
| Thẩu | Thố |  |
| Vịm | Liễn |  |
| Trẹc | Mẹt |  |
| o | Cô |  |
| Đậu phụng | Lạc |  |
| Mè | Vừng |  |
| Trụng | Nhúng |  |
| Duống | Đưa xuống |  |
| Xắt | Cắt |  |
| Lạt | Nhạt |  |

**Bài tập 3*:*** Cho biết tác dụng của việc dùng từ ngữ địa phương của Huế trong *Chuyện cơm hến.*

Trong *Chuyện cơm hến,* nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường sử dụng từ ngữ địa phương nhằm khắc hoạ không khí, sắc thái riêng của Huế, miêu tả lối nói riêng của người Huế. Tính chất địa phương của bài tản văn góp phần tạo ấn tượng sầu đậm về Huế và văn hoá Huế. Nói về không gian văn hoá Huế bằng một số từ ngữ Huế thì sẽ nêu bật được sắc màu của Huế.

**Bài tập 4**: Một số từ ngữ địa phương chỉ sự vật ở các vùng miền mà em biết:

**Gv cho hs chơi trò chơi truyền điện**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Từ ngữ địa phương** | **Từ ngữ toàn dân tương đương** | **Ghi chú** |
| Muỗng | Thìa |  |
| Đọi | Bát |  |
| thơm | Dứa |  |
| Chạc | Lạt |  |
| ô | Dù |  |
| Nác | Nước |  |
| …. |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

**4. HĐ 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Bài học mà HS rút ra khi sử dụng từ ngữ địa phương

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ** **(GV)**

? Nếu trong lần nào đó em đi du lịch, gặp một người ở vùng khác nói rất nhiều tiếng địa phương gây cho em sự khó hiểu, em sẽ làm gì ?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn HS xác định nhiệm vụ.

**HS** đọc, xác định yêu cầu của tình huống

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm (trả lời ngắn nếu còn thời gian, viết đoạn văn rồi đăng lên Padlet.

**HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Giáo viên giao nhiệm vụ về nhà.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*